

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E204

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h00

Ngày thi: 7/12/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA12001	20810230135	Hà Đức	An	26/06/2002			
2	TA12002	21810810205	Đỗ Thị Hiền	Anh	06/04/2003			
3	TA12003	20810430382	Lê Đình	Anh	05/05/2002			
4	TA12004	20810160438	Nguyễn Ngọc	Anh	14/02/2002			
5	TA12005	ĐVCH	Nguyễn Quốc	Anh	9/10/1995			
6	TA12006	21810710207	Nguyễn Thị	Anh	14/11/2003			
7	TA12007	21810810051	Nguyễn Thị Phương	Anh	10/10/2003			
8	TA12008	21810710076	Phạm Vân	Anh	15/02/2003			
9	TA12009	20810810077	Trần Tuấn	Anh	19/02/2002			
10	TA12010	20810420011	Vũ Việt	Anh	25/09/2002			
11	TA12011	ĐVCH	Lê Xuân	Bách	09/07/1982			
12	TA12012	20810310305	Hoàng Mạnh	Bình	28/12/2002			
13	TA12013	20810620050	Nguyễn Duy	Cảng	30/04/2002			
14	TA12014	21810110072	Nguyễn Tiến	Cường	26/12/2003			
15	TA12015	21810810058	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	20/03/2003			
16	TA12016	21810710203	Trần Thị Kim	Chi	24/12/2003			
17	TA12017	21810430399	Bùi Việt	Chung	14/12/2003			
18	TA12018	21810840082	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	14/02/2003			
19	TA12019	20810430252	Phạm Công Huy	Du	09/07/2002			
20	TA12020	19810230016	Đoàn Tiến	Dũng	28/03/2001			
21	TA12021	19810000350	Phạm Anh	Dũng	27/01/2001			
22	TA12022	20810310465	Nguyễn Hữu	Duy	31/07/2002			
23	TA12023	21810820331	Vũ Đức	Duy	14/11/2003			
24	TA12024	21810810043	Nguyễn Minh Ánh	Dương	05/02/2003			
25	TA12025	19810110340	Mạc Văn	Đại	20/08/2001			
26	TA12026	20810110133	Hoàng Minh	Đạt	29/11/2002			
27	TA12027	20810310556	Nguyễn Tuấn	Đạt	24/10/2002			
28	TA12028	20810310563	Trần Quang	Đạt	27/11/2002			
29	TA12029	20810310405	Trần Hải	Đăng	08/12/2002			
30	TA12030	20810320115	Dương Minh	Đức	18/12/2002			
31	TA12031	20810310388	Bùi Thị Lan	Em	20/11/2002			
32	TA12032	21810820086	Phạm Trường	Giang	20/03/2003			
33	TA12033	21810710322	Đỗ Thu	Hà	30/11/2003			
34	TA12034	20810340233	Nghiêm Xuân	Hải	07/08/2001			
35	TA12035	20810000286	Phạm Văn Sơn	Hải	02/06/2002			
36	TA12036	19810310147	Phan Doãn	Hào	09/04/2001			
37	TA12037	21810710333	Nguyễn Thị La	Hằng	05/02/2003			

38	TA12038	20810310079	Hoàng Trọng	Hiệp	11/03/2002			
39	TA12039	21810310177	Đặng Quang	Hiếu	15/07/2003			
40	TA12040	20810410010	Lê Minh	Hiếu	26/12/2002			
41	TA12041	20810170416	Nguyễn Trung	Hiếu	13/05/2002			
42	TA12042	20810340200	Vũ Trung	Hiếu	09/11/2002			
43	TA12043	21810720014	Phạm Minh	Hoà	01/11/2001			
44	TA12044	20810620117	Nguyễn Hữu	Hoàn	20/08/2002			
45	TA12045	21810310186	Hà Văn	Hoàng	08/02/2003			
46	TA12046	20810320103	Nguyễn Văn	Hoàng	02/10/2002			
47	TA12047	20810310031	Vũ Huy	Hoàng	23/01/2002			
48	TA12048	20810000322	Nguyễn Thị	Hồng	19/08/2002			
49	TA12049	21810850383	Nguyễn Thị Ngọc	Huế	07/11/2003			
50	TA12050	20810310472	Ngô Phú	Hùng	09/07/2002			
51	TA12051	21810820173	Nguyễn Ngọc	Hùng	24/01/2003			
52	TA12052	20810430286	Hoàng Đức	Huy	15/11/2002			
53	TA12053	20810430267	Trương Văn	Huy	20/12/2002			
54	TA12054	ĐVCH	Vũ Quang	Huy	26/01/1999			
55	TA12055	21810810281	Nguyễn Ngọc	Huyền	02/01/2002			
56	TA12056	21810710238	Đỗ Đức	Hưng	10/11/2003			
57	TA12057	21810810306	Bùi Thị Mai	Hương	11/09/2003			
58	TA12058	19810000093	Đặng Thị	Hường	23/08/2001			
59	TA12059	20810230075	Phạm Thị Thu	Hường	07/08/2002			
60	TA12060	20819110067	Dương Văn	Kiên	30/04/2002			
61	TA12061	20810110246	Nguyễn Trung	Kiên	30/08/2002			
62	TA12062	20810320125	Nguyễn Tuấn	Kiệt	07/02/2002			
63	TA12063	20810340179	Bùi Văn	Khải	13/10/2002			
64	TA12064	20810160545	Đặng Duy	Khánh	27/04/2002			
65	TA12065	20810160483	Lại Duy	Khánh	10/04/2002			
66	TA12066	19810310150	Võ Đức	Khánh	22/04/2001			
67	TA12067	21810710055	Phạm Minh	Khuê	09/07/2003			
68	TA12068	21810810189	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	25/08/2003			
69	TA12069	20810170408	Phan Thanh	Lâm	15/06/2002			
70	TA12070	20810320104	Dương Khánh	Linh	11/04/2002			
71	TA12071	20810310310	Đỗ Tú	Linh	25/02/2002			
72	TA12072	20810310361	Hồ Khánh	Linh	31/12/2002			
73	TA12073	21810810179	Lý Thuỳ	Linh	02/04/2003			
74	TA12074	21810000430	Nguyễn Bá	Linh	08/08/2003			
75	TA12075	21810710074	Nguyễn Khánh	Linh	03/10/2003			
76	TA12076	20810000367	Nguyễn Thuỳ	Linh	04/02/2002			
77	TA12077	21810710009	Nguyễn Xuân Phương	Linh	09/09/2003			
78	TA12078	21810840091	Trần Mai	Linh	02/10/2003			
79	TA12079	21810820140	Triệu Khánh	Linh	02/09/2003			
80	TA12080	20810310359	Bùi Hạ	Long	19/11/2002			
81	TA12081	20810320098	Lưu Thành	Long	15/04/2002			
82	TA12082	20810340164	Nguyễn Việt	Long	07/01/2002			
83	TA12083	20810160433	Đặng Hữu	Lộc	13/05/2002			
84	TA12084	21810810333	Đặng Thanh	Mai	21/06/2003			
85	TA12085	21810810332	Nguyễn Ngọc	Mai	29/08/2003			

86	TA12086	20810310319 Đỗ Huy	Mạnh	17/07/2002			
87	TA12087	20810540057 Nguyễn Tiến	Mạnh	17/02/2002			
88	TA12088	21810310049 Trần Đức	Mạnh	19/02/2003			
89	TA12089	21810820169 Đặng Hồng	Minh	30/06/2003			
90	TA12090	20810620007 Nguyễn Bình	Minh	10/06/2002			
91	TA12091	20810420022 Nguyễn Nhật	Minh	12/04/2002			
92	TA12092	20810110185 Trần Quang	Minh	24/11/2002			
93	TA12093	21810710040 Trần Thảo	My	10/05/2003			
94	TA12094	20810000074 Hoàng Tiến	Nam	03/09/2002			
95	TA12095	20810430141 Nguyễn Duy	Nam	07/11/2002			
96	TA12096	20810410040 Nguyễn Bắc Nam	Ninh	30/06/2002			
97	TA12097	21810850211 Lê Kim	Ngân	09/07/2003			
98	TA12098	20810310379 Lê Minh	Nghĩa	04/08/2002			
99	TA12099	21810820170 Đào Minh	Ngọc	08/12/2003			
100	TA12100	21810810253 Nguyễn Thị	Ngọc	18/09/2003			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: E304
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 13h00 Ngày thi: 7/12/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA12101	21810310460	Vũ Minh	Ngọc	08/03/2003			
2	TA12102	20810230097	Hoàng Minh	Nguyệt	23/08/2002			
3	TA12103	21810850411	Lê Thị Ánh	Nhật	03/01/2003			
4	TA12104	21810810226	Lý Huyền	Như	15/02/2003			
5	TA12105	19810310495	Đỗ Hồng	Phong	12/12/2000			
6	TA12106	20810310505	Vũ Hải	Phong	28/07/2002			
7	TA12107	19810340605	Trần Xuân	Phúc	16/02/2001			
8	TA12108	21810820181	Mai Thị	Phương	12/04/2003			
9	TA12109	20810310522	Nguyễn Thu	Phương	22/12/2002			
10	TA12110	20810110232	Ngô Đức	Quang	26/09/2002			
11	TA12111	20810510077	Phạm Minh	Quang	20/12/2002			
12	TA12112	21810710241	Lương Hồng	Quân	09/10/1993			
13	TA12113	20810310466	Trần Cao	Quân	24/11/2002			
14	TA12114	21810710030	Dương Cương	Quyết	23/10/2003			
15	TA12115	21810710215	Hữu Diễm	Quỳnh	10/04/2003			
16	TA12116	2272010278	Dương Văn	Sáng	01/02/1989			
17	TA12117	19810310197	Đỗ Ngọc	Son	02/12/2001			
18	TA12118	20810340195	Phạm Thái	Son	28/07/2002			
19	TA12119	22810430356	Đặng Văn	Tâm	30/10/2004			
20	TA12120	21810710232	Phạm Thị	Tám	01/01/2002			
21	TA12121	20810340221	Vũ Bá	Tân	15/03/2002			
22	TA12122	19810410270	Phùng Minh	Tiến	07/05/2001			
23	TA12123	19810000515	Phạm Văn	Toàn	15/03/2001			
24	TA12124	21810710394	Phạm Ngọc Anh	Tú	20/06/2003			
25	TA12125	20810430149	Mai Đăng	Tuân	24/02/2002			
26	TA12126	21810410403	Lê Anh	Tuấn	01/02/2003			
27	TA12127	20810110162	Trịnh Duy Anh	Tuấn	10/09/2002			
28	TA12128	20810310377	Vũ Xuân	Tuyên	20/04/2002			
29	TA12129	20810000049	Bùi Xuân	Thái	22/03/2002			
30	TA12130	20810000042	Nguyễn Tuấn	Thành	06/03/2002			
31	TA12131	21810850375	Bồ Phương	Thảo	10/03/2003			
32	TA12132	20810230078	Hoàng Thị Phương	Thảo	19/09/2002			
33	TA12133	20810310539	Nguyễn Thị	Thảo	28/01/2002			
34	TA12134	21810710301	Trịnh Phương	Thảo	29/05/2003			
35	TA12135	20810620066	Nghiêm Đức	Thắng	27/11/2002			
36	TA12136	20810310521	Nguyễn Văn	Thế	10/03/2002			
37	TA12137	20810430151	Lê Phúc	Thịnh	16/07/2002			

38	TA12138	20810000431	Hoàng Thị Bích	Thùy	3/21/0002			
39	TA12139	19810420310	Bùi Duy	Thuyết	03/10/2001			
40	TA12140	19810110339	Nguyễn Quang	Thực	21/09/2001			
41	TA12141	22810850003	Chu Minh	Trang	09/02/2004			
42	TA12142	22810810211	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/09/2004			
43	TA12143	21810810138	Vũ Thu	Trang	10/10/2003			
44	TA12144	21810310127	Ứng Ngọc	Trí	21/08/2003			
45	TA12145	20810540334	Nguyễn Kiên	Trung	30/12/2002			
46	TA12146	22810430046	Lương Xuân	Trường	09/08/2004			
47	TA12147	21810710278	Bùi Khả	Văn	08/06/2003			
48	TA12148	21810710193	Trần Thị Thảo	Vân	05/10/2003			
49	TA12149	21810710086	Nguyễn Hoàng	Việt	13/09/2003			
50	TA12150	19810310152	Đoàn Anh	Vinh	23/08/2001			
51	TA12151	20810430343	Hoàng Anh	Vũ	12/04/2002			
52	TA12152	19810310085	Mai Việt	Vương	07/07/2001			
53	TA12153	19810310482	Nguyễn Đức Thành	An	15/09/2001			
54	TA12154	20810630009	Nguyễn Văn	An	28/01/2002			
55	TA12155	20810630049	Hoàng Kỳ	Anh	10/10/2002			
56	TA12156	18810820101	Hoàng Lan	Anh	05/10/2000			
57	TA12157	22819120066	Hoàng Nhật	Anh	22/12/2004			
58	TA12158	20810000122	Hoàng Tùng	Anh	09/09/2002			
59	TA12159	21810820273	Lê Phương	Anh	20/12/2003			
60	TA12160	ĐVCH	Lê Quốc	Anh	10/11/1982			
61	TA12161	18810820068	Lê Thị Vân	Anh	14/10/2000			
62	TA12162	20810340224	Nguyễn Đức	Anh	26/04/2002			
63	TA12163	20810630054	Nguyễn Hoàng	Anh	26/09/2002			
64	TA12164	21810810033	Nguyễn Ngọc	Anh	30/12/2003			
65	TA12165	20810230073	Nguyễn Tâm	Anh	25/05/2002			
66	TA12166	20810000449	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/02/2002			
67	TA12167	20810230064	Nguyễn Thị Lan	Anh	30/07/2002			
68	TA12168	19810310535	Nguyễn Trường	Anh	11/10/2001			
69	TA12169	21810110146	Nguyễn Việt	Anh	02/04/2003			
70	TA12170	20810630012	Phạm Xuân Thế	Anh	14/05/2002			
71	TA12171	20810230050	Trần Hoài	Anh	09/02/2002			
72	TA12172	20810310475	Trần Tuấn	Anh	15/09/2002			
73	TA12173	20810430276	Vũ Đức	Anh	28/02/2002			
74	TA12174	21810510010	Đặng Thị Phương	Ánh	06/08/2003			
75	TA12175	20810540052	Ngô Công	Bách	07/07/2002			
76	TA12176	18810000003	Hoàng Văn	Bằng	25/01/2000			
77	TA12177	20810720048	Mai Thanh	Bình	09/09/2002			
78	TA12178	1781510203	Nguyễn Thanh	Bình	30/01/1999			
79	TA12179	20810630001	Nguyễn Xuân	Bình	02/01/2002			
80	TA12180	ĐVCH	Nguyễn Văn	Công	06/05/1987			
81	TA12181	19810540121	Phạm Biên	Cương	16/08/2001			
82	TA12182	20819110056	Nguyễn Việt	Cường	18/06/2002			
83	TA12183	20810310025	Phạm Đức	Cường	24/05/2002			
84	TA12184	20810630015	Vũ Bá	Cường	13/09/2002			
85	TA12185	19810170220	Lê Văn	Chiến	22/05/2001			

86	TA12186	18810340684	Phạm Thị Mai	Chinh	29/06/2000			
87	TA12187	20810310293	Tạ Thị	Chinh	18/09/2002			
88	TA12188	22810180101	Tạ Văn	Chung	23/02/2004			
89	TA12189	20810430209	Nguyễn Danh	Duy	20/07/2002			
90	TA12190	20810310065	Phan Văn	Duy	15/04/2002			
91	TA12191	20810630046	Vì Thế	Dương	23/06/2002			
92	TA12192	20810170330	Vũ Bùi Minh	Dương	12/02/2002			
93	TA12193	18810620038	Hoàng Văn	Đại	05/11/2000			
94	TA12194	20810410098	Lại Đức	Đại	21/01/2002			
95	TA12195	20819110101	Nguyễn Trọng	Đại	12/07/2002			
96	TA12196	19810430194	Chu Đình Ánh	Đạo	22/07/2000			
97	TA12197	20810420007	Phạm Anh	Đạt	07/07/2002			
98	TA12198	20810110254	Lương Ngọc	Đồng	09/05/2002			
99	TA12199	20810310313	Đỗ Chí	Đức	04/09/2002			
100	TA12200	20810540340	Tô Đăng	Đức	07/11/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) Phòng thi: E403
Môn thi: Kỹ năng nói Ca thi: 13h00 Ngày thi: 7/12/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA12201	20810410058	Trần Nguyên	Đức	01/11/2002			
2	TA12202	20810630058	Vũ Minh	Đức	17/05/2002			
3	TA12203	ĐVCH	Bùi Nam	Giang	14/05/1989			
4	TA12204	20810170307	Cao Thành	Giang	02/02/2002			
5	TA12205	20810620015	Mai Anh	Giang	05/10/2002			
6	TA12206	20810420003	Lò Tiến	Hà	23/08/2002			
7	TA12207	21810810283	Ngô Việt	Hà	26/04/2003			
8	TA12208	20810340212	Nguyễn Quang	Hà	20/07/2002			
9	TA12209	20810310571	Nguyễn Quang	Hà	16/03/2002			
10	TA12210	21810810150	Nguyễn Thị	Hà	17/07/2003			
11	TA12211	20810000406	Nguyễn Thị Thu	Hà	20/10/2002			
12	TA12212	20810410087	Bùi Hoàng	Hải	16/03/2002			
13	TA12213	19810000100	Nguyễn Hoàng	Hải	13/12/2001			
14	TA12214	20810310290	Nguyễn Anh	Hào	09/10/2002			
15	TA12215	18810310559	Nguyễn Văn	Hiệp	01/08/2000			
16	TA12216	18810310182	Doãn Nguyễn Minh	Hiếu	31/10/2000			
17	TA12217	18810420252	Hoàng Minh	Hiếu	19/10/2000			
18	TA12218	18810620019	Nguyễn Xuân	Hình	01/10/1999			
19	TA12219	18810310570	Hoàng Văn	Hoà	21/09/2000			
20	TA12220	20819110106	Đỗ Xuân	Hòa	24/01/2002			
21	TA12221	20810310080	Bùi Thu	Hoài	18/05/2002			
22	TA12222	19810310086	Trần Việt	Hoàn	20/06/2001			
23	TA12223	20810000199	Hà Huy	Hoàng	30/08/2002			
24	TA12224	20810000166	Nguyễn Thu	Hồng	17/12/2002			
25	TA12225	20810410115	Đỗ Viết Tuấn	Hùng	07/07/2002			
26	TA12226	18810310564	Phạm Tiến	Hùng	14/11/2000			
27	TA12227	20810310077	Đào Xuân	Huy	27/01/2001			
28	TA12228	20810630018	Phạm Quốc	Huy	08/04/2002			
29	TA12229	20810620049	Trần Quang	Huy	26/10/2002			
30	TA12230	20810610260	Trần Quang	Huy	08/04/2002			
31	TA12231	20810170318	Vũ Quang	Huy	04/09/2002			
32	TA12232	20810000178	Nguyễn Thị	Huyền	12/12/2002			
33	TA12233	20810630030	Vì Quốc	Hung	18/10/2002			
34	TA12234	18810320704	Trần Trung	Kiên	22/11/2000			
35	TA12235	21810710095	Lại Trọng	Kha	07/12/2003			
36	TA12236	21810410180	Dương Quốc	Khánh	02/09/2003			
37	TA12237	20810710197	Mai Duy	Khánh	13/06/2002			

38	TA12238	20810630052	Nguyễn Nam	Khánh	09/02/2002			
39	TA12239	18810110201	Trần Quốc	Khánh	16/02/2000			
40	TA12240	20810620057	Phạm Ngọc	Khiêm	10/11/2002			
41	TA12241	20810630069	Lê Văn	Khoa	08/12/2002			
42	TA12242	20819110099	Nguyễn Hữu	Khuong	23/03/2002			
43	TA12243	19810720248	Đặng Thị	Lan	07/10/2001			
44	TA12244	20810620102	Lê Xuân	Lập	01/10/2002			
45	TA12245	21810710109	Nguyễn Hoàng Mai	Linh	02/07/2003			
46	TA12246	18810310647	Nguyễn Văn	Linh	26/08/2000			
47	TA12247	18810410202	Nguyễn Văn	Linh	20/04/2000			
48	TA12248	20810110127	Phạm Đức	Lương	26/04/2002			
49	TA12249	20810620088	Nguyễn Hữu	Lượng	28/04/2002			
50	TA12250	20810310074	Nguyễn Thị Phương	Mai	10/03/1999			
51	TA12251	19810430254	Nguyễn Duy	Mạnh	14/04/2001			
52	TA12252	18810310414	Nguyễn Đức	Mạnh	17/11/2000			
53	TA12253	20810230014	Cao Ngọc	Minh	03/06/2001			
54	TA12254	18810320357	Trần Bình	Minh	09/12/2000			
55	TA12255	18810320571	Nguyen Hai	Nam	28/10/2000			
56	TA12256	1781610065	Nguyễn Văn	Nam	30/01/1999			
57	TA12257	20810630051	Hà Nam	Ninh	01/12/2002			
58	TA12258	21810710144	Chu Thị Hồng	Ngọc	14/03/2003			
59	TA12259	20810630037	Phạm Thành	Ngọc	02/12/2002			
60	TA12260	20810430339	Mai Văn	Nguyên	21/09/2002			
61	TA12261	20810830197	Đỗ Quỳnh	Như	05/01/2002			
62	TA12262	20810620048	Nguyễn Đình	Phúc	06/05/2002			
63	TA12263	20810630014	Trần Hồng	Phúc	21/07/2002			
64	TA12264	22810230178	Trần Tuấn	Phuong	10/09/2003			
65	TA12265	ĐVCH	Nguyễn Đức	Quang	18/05/1979			
66	TA12266	20810630076	Vũ Văn	Quân	12/07/2002			
67	TA12267	20810620124	Nguyễn Văn	Quý	24/11/2001			
68	TA12268	18810310462	Trần Văn	Sang	19/07/2000			
69	TA12269	20810420087	Đinh Vũ	Son	07/02/2002			
70	TA12270	20810620116	Vũ Nam	Son	06/04/2002			
71	TA12271	20810630074	Lê Văn	Tài	09/10/2002			
72	TA12272	20810410033	Phan Tiến	Tân	29/05/2002			
73	TA12273	1781410034	Nguyễn Minh	Tiến	26/07/1999			
74	TA12274	20810620047	Nguyễn Trọng	Tiến	17/06/2002			
75	TA12275	21810620413	Nguyễn Văn	Tiến	02/07/2003			
76	TA12276	18810310606	Đậu Quốc	Toàn	08/02/2000			
77	TA12277	19810640092	Nguyễn Khánh	Toàn	17/11/2001			
78	TA12278	22819120140	Dương Văn	Tuân	22/10/2004			
79	TA12279	18810320504	Trần Anh	Tuân	11/12/2000			
80	TA12280	20810160496	Trịnh Quốc	Tuân	18/09/2002			
81	TA12281	19810840019	Vũ An	Tuệ	19/10/2001			
82	TA12282	21810620053	Quách Minh	Tuyến	06/01/2003			
83	TA12283	18810310271	Nguyễn Duy	Thanh	13/07/2000			
84	TA12284	20810000118	Phan Tiến	Thành	09/06/2002			
85	TA12285	19810310343	Khuong Tiến	Thảo	19/08/2001			

86	TA12286	20810630056	Lường Văn	Thắng	10/12/2002			
87	TA12287	20810420111	Phạm Quang	Thắng	30/08/2002			
88	TA12288	20810310012	Nguyễn Đức	Thiện	13/11/2002			
89	TA12289	20810110244	Lê Duy	Thịnh	19/05/2002			
90	TA12290	18810310305	Trần Quang	Thọ	06/01/2000			
91	TA12291	21810210010	Nguyễn Thị Thanh	Trà	06/04/2003			
92	TA12292	18810310100	Bế Thùy	Trang	07/04/2000			
93	TA12293	ĐVCH	Phạm Hà	Trang	27/04/1997			
94	TA12294	20810410097	Trần Quỳnh	Trang	29/06/2002			
95	TA12295	18810320694	Dương Quang	Trung	08/10/2000			
96	TA12296	19810810012	Nguyễn Đức	Trung	04/01/2000			
97	TA12297	19810310690	Nguyễn Ngọc	Trung	22/06/2001			
98	TA12298	20810620058	Phùng Quang	Trung	06/04/2002			
99	TA12299	20810620129	Nguyễn Đức	Văn	20/02/2002			
100	TA12300	20810630021	Nguyễn Thành	Văn	16/10/2002			
101	TA12301	ĐVCH	Hoàng Quốc	Việt	27/04/1997			
102	TA12302	20810320127	Trương Quốc	Vinh	15/05/2002			
103	TA12303	20810430275	Nguyễn Văn	Xuân	07/10/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)